

BẢN TIN

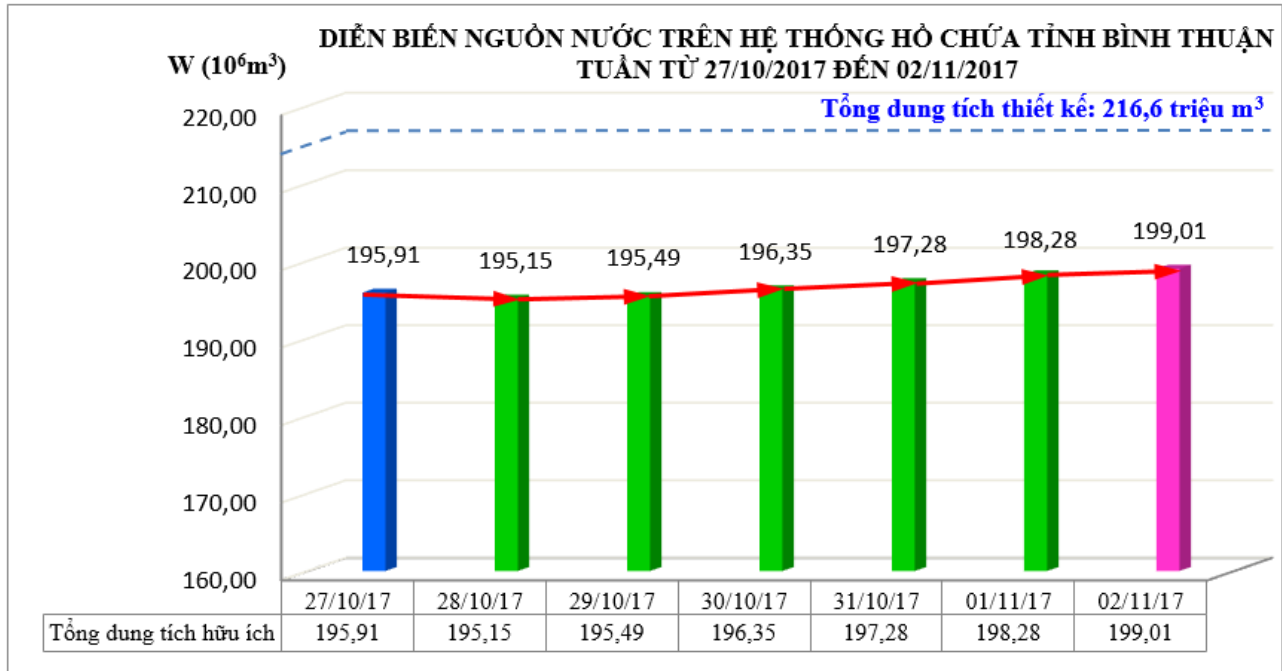
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 03/11/2017 đến 09/11/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 27/10/2017 – 02/11/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 27/10/2017 đến 02/11/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có chiều hướng tăng. Tuần qua, do có mưa vừa và mưa to ở một vài nơi trong tỉnh cộng với lượng nước ngoại tỉnh bổ sung khiến tổng dung tích các hồ tăng. Tổng lượng tăng của tuần qua là 3,1 triệu m³ trong đó mức tăng bình quân là 0,52 triệu m³/ngày thay vì mức giảm 0,19 triệu m³/ngày như của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 27/10 - 02/11/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 02/11/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 02/11/2017 tổng dung tích hữu ích của 16 hồ/ đập lớn trên địa bàn

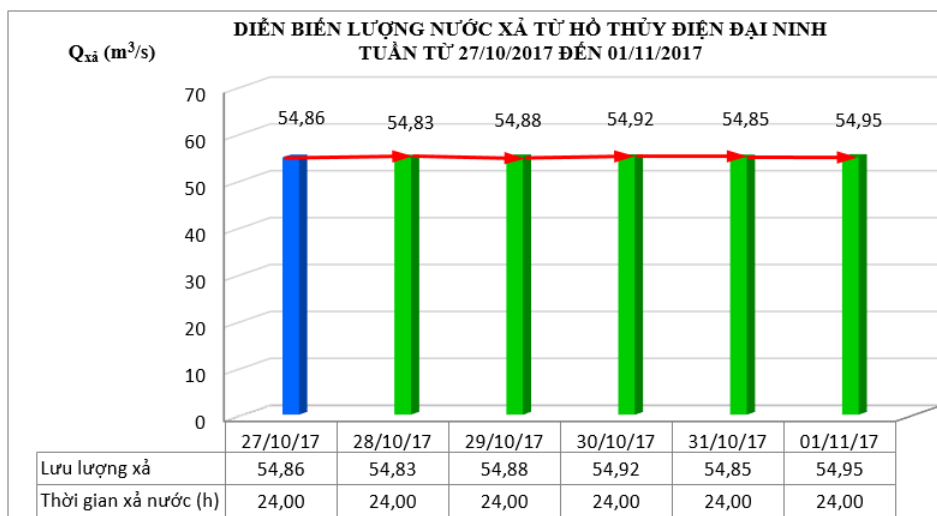
tỉnh Bình Thuận là 199,01 triệu m³, đạt 91,9% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì tăng, tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích giảm mạnh so với đầu tuần như hồ Cà Giây, hồ Suối Đá, hồ Đu Đủ và đập Sông Phan. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là đập Ba Bàu với tỉ lệ là 44,94% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Đu Đủ với 110,54% dung tích thiết kế. Hiện tại 4 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Sông Móng tính đến thời điểm hiện nay đã tích trữ nhiều nước (Dung tích hiện tại đều đạt hơn 90% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 02/11/2017

ST T	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,712	4,87	9,718	0,392	4,478	4,320	96,47%
2	Lòng Sông	37,206	37,16	40,271	3,464	33,696	33,742	100,14%
3	Cà Giây	36,629	36,921	63,209	8,409	28,512	28,220	98,98%
4	Sông Khán	1,827	2,014	2,52	0,261	1,753	1,566	89,33%
5	Sông Quao	68,456	73	80	5,7	67,3	62,756	93,25%
6	Suối Đá	5,470	9,131	12,786	1,273	7,858	4,197	53,41%
7	Cắm Hàng	0,671	1,18	1,215	0,013	1,167	0,658	56,38%
8	Sông Móng	37,156	37,156	51,515	2,985	34,171	34,171	100,00%
9	Ba Bàu	3,649	6,938	11,403	0,964	5,974	2,685	44,94%
10	Đu Đủ	4,019	3,664	5,217	0,297	3,367	3,722	110,54%
11	Tân Lập	1,142	1,07	1,52	0,07	1	1,072	107,20%
12	Tà Mon	0,592	0,657	0,72	0,05	0,607	0,542	89,29%
13	Núi Đất	9,188	8,466	9,648	0,566	7,9	8,622	109,14%
14	Trà Tân	4,126	3,888	8,333	0,403	3,485	3,723	106,83%
15	Sông Phan	1,972	3,022	3,579	0,172	2,85	1,800	63,16%
16	Phan Dũng	8,444	13,674	18,925	1,233	12,441	7,211	57,96%
Tổng Cộng		225,259	242,81	320,58	26,25	216,559	199,007	91,90%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 02/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 230,15 triệu m³/251,7 triệu m³, đạt 91,43% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 7,89 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 27/10/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 27/10/2017 đến 01/11/2017

Tính đến ngày 02/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 487,29 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 93,26% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 3,43 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 27/10/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 02/11/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	298,195	319,770	549,820	68,040	251,730	230,155	91,43%
2	<u>Hàm Thuận</u>	660,016	695,230	976,650	172,730	522,500	487,286	93,26%
Tổng Cộng		958,211	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	717,441	92,67%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 11/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 11/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết trong thời kỳ đầu tháng có mưa rào và dông rải rác, riêng ngày 3-5 có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to; thời kỳ giữa và cuối tháng có mưa rào vài nơi; những ngày ảnh hưởng của xoáy thuận nhiệt đới có mưa rào và dông rải rác. Dự báo lượng mưa</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: Mây thay đổi đến nhiều mây, thời kỳ nửa đầu tuần có mưa rào và dông rải rác, riêng từ ngày 3 đến ngày 5 khu vực có mưa to đến rất to, thời kỳ nửa cuối tuần có mưa rào vài nơi. Dự báo lượng mưa tuần tới đạt mức xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía bắc và</p>

tháng 11/2017 cao hơn TBNN phổ biến từ 100-200, riêng vùng núi từ 200-300mm; với: 8 - 12 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 190 – 210 giờ, tổng lượng bốc hơi: 90 - 110mm.

b. Thủy văn:

- Mực nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,90m; Hmax = 27,50m ; Hmin = 24,00m.

trung tâm tỉnh: 100 – 200 mm, với 3 - 5 ngày mưa. Khu vực phía nam và tây nam tỉnh: 150 – 250 mm, với 4 - 6 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 50 – 60 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

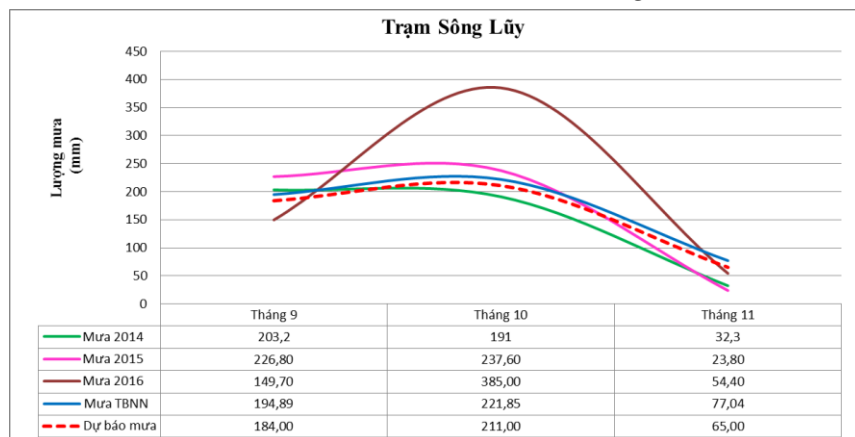
b. Thủy văn:

- Mực nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN

+Tà Pao: Htb=116,80m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

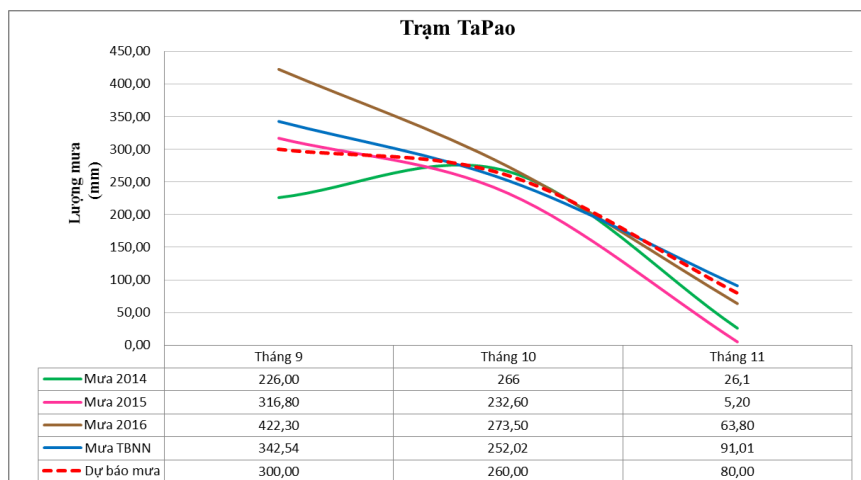
+ Sông Lũy: Htb = 24,70m; Hmax = 26,50m; Hmin = 24,30m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 11) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 ($10^6 m^3$)	
		Tháng 11 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	0,804	0,804
2	Hồ Phan Dũng	3,758	3,758
3	Hồ Lòng Sông	8,580	8,580
4	Đập Sông Lũy	20,295	20,295
5	Hồ Cà Giây	13,297	13,297
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	15,993	15,993
7	Hồ Sông Quao	13,504	13,504
8	Hồ Suối Đá	4,199	4,199
9	Hồ Sông Khán	0,207	0,207
10	Hồ Cà Giang	0,441	0,441
11	Hồ Cẩm Hang	0,570	0,570
12	Hồ Sông Móng	2,359	2,359
13	Đập Ba Bàu	3,655	3,655
14	Hồ Đu Đủ	0,544	0,544
15	Đập Sông Phan	14,774	14,774
16	Hồ Tân Lập	0,752	0,752
17	Hồ Tà Mon	1,840	1,840
18	Hồ Núi Đất	0,726	0,726
19	Hồ Sông Dinh	64,204	64,204
20	Đập Cô Kiều	0,933	0,933
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	46,708	46,708
22	Hồ Trà Tân	2,255	2,255
Tổng cộng			220,398

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 11	Tổng ($10^6 m^3$)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	14	36,29
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	21	54,43
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa tháng 11/2017 là 110,57 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017					
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 ⁶ m ³)	
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 11	Tổng
Tổng cộng		31.486,63	11.500,00	14.736,00	497,00	110,57	110,57
1	Hồ Đá Bạc	271,38	66,55	54	-	0,59	0,59
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,50	0,50
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	1,50	1,50
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	21,52	21,52
5	Hồ Cà Giấy	1.397,43	1.947,20	396	-	6,95	6,95
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	6,13	6,13
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	38,14	38,14
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,40	1,40
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,28	0,28
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,10	0,10
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	2,85	2,85
12	Hồ Đu Đủ	96,84	29,52	983,63	-	0,48	0,48
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,24	0,24
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,09	0,09
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,03	0,03
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	1,85	1,85
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	5,71	5,71
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,15	0,15
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	21,03	21,03
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,04	1,04

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 03/11/2017 đến 09/11/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/11/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt khoảng 201,09 triệu m³ (chiếm 92,86% so với dung tích thiết kế), tăng 2,08 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 02/11/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/11/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại 02/11/2017			Dự kiến nguồn nước đến 09/11/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 02/11/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 09/11/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	30,90	4,320	96,47%	30,93	▲ 4,359	97,34%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	76,97	33,742	100,14%	77,63	▲ 35,313	104,80%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,64	28,220	98,98%	74,42	▼ 27,147	95,21%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,55	1,566	89,33%	106,71	▲ 1,641	93,58%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	88,29	62,756	93,25%	88,59	▲ 64,676	96,10%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,70	4,197	53,41%	45,57	▼ 3,919	49,87%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,04	0,658	56,38%	23,78	▼ 0,545	46,67%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	75,80	34,171	100,00%	75,79	▼ 34,119	99,85%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,69	2,685	44,94%	40,75	▲ 2,796	46,80%
10	Hồ Đu Đu	61	3,367	61,30	3,722	110,54%	61,20	▼ 3,603	107,02%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,16	1,072	107,20%	44,18	▲ 1,081	108,10%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	46,17	0,542	89,29%	46,50	▲ 0,607	100,00%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,84	8,622	109,14%	23,83	▼ 8,600	108,86%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,08	3,723	106,83%	95,09	▲ 3,753	107,68%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	67,43	1,800	63,16%	67,20	▼ 1,686	59,16%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,77	7,211	57,96%	203,79	▲ 7,244	58,23%
	Tổng		216,559		199,007	91,90%		201,09	92,86%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 09/11/2017 sẽ có:

Tổng số 19/19 (100%) hồ/đập thủy lợi đều có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đu.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu			Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)			
		Tháng 10	Tháng 11	Tổng	

1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	100%
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	100%
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0	0	0	100%
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	100%
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	100%
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	100%
13	Đập Sông Phan	0	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0	0	0	100%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	100%
Tổng				0	

Kết luận - Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa lũ và nguồn nước về các hồ để có kế hoạch vận hành công trình hợp lý, chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

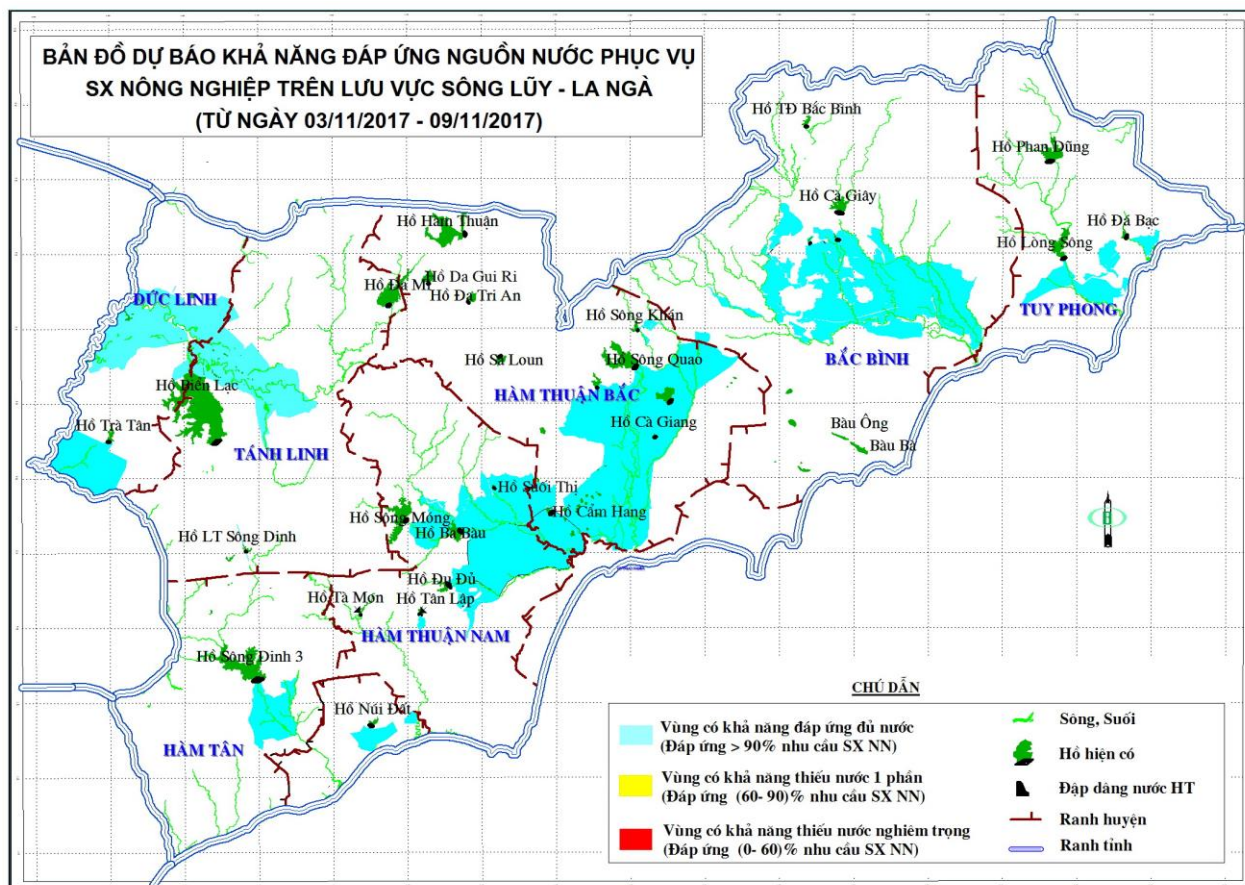
Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 09/11/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 201,09 triệu m³ (chiếm 92,86% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 03/11/2017 đến ngày 09/11/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phòng tránh úng ngập cục bộ trong một số vùng nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/11/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 35,31 triệu m³, hồ Phan Dũng có 7,24 triệu m³, hồ Đá Bạc 4,36 triệu m³: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 27,15 triệu m³, hồ Sông Quao có 64,68 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho

lúa và cây trồng vụ Mùa;

- Hồ Sông Móng có 34,12 triệu m³, đập Ba Bàu có 2,8 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,61 triệu m³, hồ Đu Đủ có 3,6 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,08 triệu m³, hồ Núi Đất có 8,6 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Mùa;

- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lữ – sông La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 03/11/2017 đến ngày 09/11/2017

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 02/11/2017

(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Mùa, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (qua Cục Quản lý Công trình Thủy lợi) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.